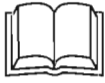


# TRAO ĐỔI



## Ý KIẾN

### MỘT SỐ YẾU TỐ VĂN HÓA TƯƠNG ĐỒNG GIỮA NGƯỜI THÁI TRẮNG VÀ NGƯỜI TÀY

VI VĂN AN

#### 1. Đặt vấn đề

Thái và Tày là 2 trong 8 tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái, ngữ hệ Thái - Cadai. Xưa kia, Tày và Thái đều có tên tự gọi/danh xưng là *Tày/Tay* - có nghĩa là Người (*cần Tày, côn Tay, phủ Tay*). Hầu hết các công trình nghiên cứu của các nhà Dân tộc học đã công bố đều cho rằng, cộng đồng người Tày - Thái cổ trước kia có mối quan hệ về nguồn gốc lịch sử, tương đồng về ngôn ngữ và văn hóa. Tuy nhiên, do những điều kiện và hoàn cảnh lịch sử nhất định, sau này họ đã tách thành 2 tộc người riêng biệt. Bộ phận cư trú vùng Đông Bắc và Việt Bắc được gọi là *Tày*, tiếp thu ảnh hưởng văn hóa Việt và văn hóa Hán; còn bộ phận cư trú ở vùng Tây Bắc, Tây Thanh - Nghệ thì được gọi là *Thái*, tiếp thu ảnh hưởng văn hóa Môn - Khơ-me và văn hóa Việt - Mường.

Cộng đồng người Thái ở Việt Nam được chia thành 2 nhóm: Thái Đen (*Tay Dăm*) và Thái Trắng (*Tay Khao/Tay Đón*). Sự phân chia thành 2 nhóm (Đen - Trắng) này là một thực tế hiện hữu, do chính cộng đồng này xác lập và thừa nhận. Theo đó, sự phân biệt giữa 2 nhóm Thái chủ yếu thể hiện ở âm, thanh điệu trong tiếng nói, nhà cửa, kiểu cách và màu sắc của y phục truyền thống, phong tục tập quán và biểu

tượng thờ thần (*Thái Đen: Mẹ - Rồng (Luông - yếu tố nước); Cha - Chim (Nộc - chim phượng hoàng - yếu tố cạn); Thái Trắng: Mẹ - Chim, biến thể Rồng bay - yếu tố cạn; Cha - Rồng (Luông, biến thể là thần Lợn nước (Mu nặm) - yếu tố nước*) (Cầm Trọng, 1987, tr. 164).

Ngay từ thời Pháp, việc phân chia thành 2 nhóm (Đen - Trắng) đã được đề cập trong một số công trình. Chẳng hạn, trong cuốn *Các chủng tộc ở Thượng du Bắc kỳ*, công bố năm 1924, tác giả M. Abadie đã miêu tả khá kỹ về 2 nhóm này, kèm theo nhiều hình ảnh minh họa lý thú (Abadie, 1924). Sau này, vấn đề phân chia thành 2 nhóm (Đen - Trắng) của người Thái ở Việt Nam còn được đề cập tới trong một số công trình, bài viết của một số nhà nghiên cứu như Cầm Trọng (1978), Lê Sỹ Giáo (1988). Tuy nhiên, cho đến nay, xung quanh vấn đề hai nhóm đen - trắng của người Thái vẫn còn nhiều cách lý giải khác nhau, nhất là nguồn gốc và bản chất của sự phân chia này như thế nào, thì các ý kiến chưa thống nhất.

Nếu so sánh giữa 2 nhóm Thái với nhau và so sánh giữa họ với người Tày (tộc người có cùng danh xưng: *Tày/Tay*), có hai vấn đề khá lý thú, nhưng chưa có một công trình và bài viết nào đề cập tới. Đó là:

- *Thứ nhất*, tại sao giữa Thái Đen và Thái Trắng lại có khá nhiều yếu tố văn hóa khác nhau? Đây là vấn đề khá lý thú, tôi sẽ trình bày trong một bài viết khác.

- *Thứ hai*, tại sao những yếu tố văn hóa (khác với người Thái Đen) của người Thái Trắng lại tương đồng với một số yếu tố văn hóa của người Tày?

Trên cơ sở những tư liệu có được, bài viết của tôi mong muốn góp phần lý giải hiện tượng nói trên. Tuy nhiên, những vấn đề được đề cập trong bài viết này cũng chỉ là những suy nghĩ bước đầu. Hy vọng sẽ nhận được những ý kiến trao đổi và chia sẻ của những người quan tâm.

## 2. Các yếu tố văn hóa tương đồng giữa Thái Trắng và người Tày

Các yếu tố văn hóa tương đồng giữa người Thái Trắng và người Tày thể hiện ở các điểm sau:

### 2.1. Cây đàn tính/tính tấu

*Trước hết*, yếu tố văn hóa tương đồng giữa người Thái Trắng với người Tày thể hiện ở cây đàn tính. Nếu như các loại sáo (ví: *pí pặp*, *pí lè*, *pí khúi* và chiêng) được sử dụng phổ biến ở người Thái Đen, thì đàn tính lại là loại nhạc cụ được sử dụng phổ biến ở người Tày và người Thái Trắng; và là loại nhạc cụ thể hiện nét văn hóa đặc trưng tộc người của họ. Cây đàn gồm 6 chi tiết: cần (gỗ), hộp đàn (vỏ quả bầu khô), nắp hộp (gỗ), 2 dây (tơ tằm hay sợi cước), ngựa đàn (gỗ) và khóa điều chỉnh dây (gỗ).

Cũng giống như người Tày, người Thái Trắng thường sử dụng đàn tính trong các dịp lễ tết, vào nhà mới, lễ đặt tên cho trẻ, các nghi lễ mang tính cộng đồng... Người

chơi có thể tự độc tấu theo làn điệu của bài hát, hoặc có thể chơi tập thể vài ba người, kèm theo múa phụ họa. Do lời hát mang tính truyền cảm, mượt mà, dễ đi vào lòng người, sau này đã trở thành một làn điệu mang phong cách riêng gọi là hát *then* (*khấp then*), phổ biến ở hầu khắp các địa bàn cư trú của người Tày và người Thái Trắng. Đặc biệt, trong lễ *lầu then* (của người Tày), đàn tính là nhạc cụ không thể thiếu của các bà Then khi hành lễ. Bà Then vừa gảy đàn, vừa hát, kèm theo múa phụ họa của các con Then.

### 2.2. Lễ *lầu then*

*Yếu tố văn hóa tương đồng thứ hai* giữa người Thái Trắng với người Tày là đều có lễ *lầu then*. Lễ này của người Tày thường tổ chức vào tháng Giêng hàng năm, với mục đích tạ ơn tổ sư nghề, hoặc để cấp sắc, “thăng quan, tiến chức”. Lễ vật gồm lợn, gà, rượu, bánh trái do gia đình bà Then và những người được bà Then cấp sắc đóng góp, trong đó quan trọng nhất là cây hoa lễ, được trang trí bằng hoa giấy màu đỏ, dựng tại trung tâm gian nhà. Đây là nghi lễ mang đậm màu sắc Đạo giáo do bà Then tổ chức tại nhà với ý nghĩa mang lễ vật đi tiến cống Ngọc Hoàng.

Lễ *lầu then* gồm nhiều lễ tiết nối tiếp nhau, được thể hiện thông qua những chương, đoạn nhất định. Mỗi chương đoạn tương ứng với một chặng đường, một biến cố hoặc một sự kiện nào đấy trên đường mang lễ vật đi tiến cống với bao nỗi đắng cay, tủi nhục và đầy khổ ải, gian truân. Quá trình sửa soạn và mang lễ vật đi tiến cống được diễn tả bằng những bài thơ dài với hàng nghìn câu theo thể thất ngôn trường thiên. Có thể nói, đó là bản trường ca mang

đậm chất trữ tình, nhuộm màu huyền thoại và chứa đầy sự tích dân gian. Nó phần nào cho thấy vũ trụ quan, thế giới quan và nhân sinh quan của người Tày; đồng thời, phản ánh những quan hệ xã hội cũng như cuộc sống tinh thần, tình cảm của họ.

Lễ *kin pang then* của người Thái Trắng cũng thường được tổ chức vào tháng Giêng sau tết Nguyên đán. Trong những ngày diễn ra lễ hội, mọi người cùng dâng lễ để tạ ơn trời đất và cầu xin phước lành, yên vui và sức khỏe cho dân bản sau một năm lao động vất vả. Đây còn là dịp để người dân bản xoá đi tất cả những phiền muộn, âu lo để hưởng một cuộc sống vui tươi, hạnh phúc trọn vẹn. Lễ hội gồm hai phần chính: phần lễ do thầy mo chủ trì. Thầy mo với bài “*khấp then*” (hát then) vừa gảy đàn tính vừa hát. Các giai điệu của lời *khấp then* diễn tả thời gian của một năm cũ trôi đi, người dân vui mừng đón chào một năm mới hứa hẹn nhiều điều tốt đẹp. Phần hội thường do trưởng bản hoặc người có uy tín trong bản điều hành. Nhân dân tổ chức múa hát tập thể và tham gia nhiều trò chơi truyền thống như: *tó má lẹ* (đánh đáo), kéo co, đánh cù, ném còn, thi té nước, hát đối...

### 2.3. Nón vành (*cúp*)

*Yếu tố văn hóa tương đồng thứ ba* giữa người Thái Trắng với người Tày là đều sử dụng nón vành. Người Thái Trắng có 2 loại nón: loại vành rộng (thường dùng cho các A Nàng của tầng lớp quý tộc, các đội múa xòe và các thiếu nữ dùng trong các điệu múa dân gian Thái) và loại vành hẹp, chóp nhọn (dùng cho cả nam và nữ của tầng lớp bình dân), giống với chiếc nón (*chúp*) của người Tày. Nón gồm 3 lớp: lớp trong

và lớp ngoài cùng đan bằng tre, hình mắt cáo, lớp giữa xếp bẹ lá vầu, mai khô hoặc có khi bằng lá nón, lá cọ, thậm chí bằng lá song mây. Nón hình tròn, có chóp nhọn và có dây đeo. Loại nón hình chóp nhọn cũng phổ biến ở các cư dân Choang - Đông vùng biên giới tỉnh Quảng Tây và các nhóm Đai/Thái như *Tày Da*, *Tày Khả* và *Tày Xài* cư trú tại khu Tự trị Tân Bình, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).

### 2.4. Tết Xíp xíp

*Yếu tố văn hóa tương đồng thứ tư* giữa người Thái Trắng với người Tày là đều tổ chức tết *xíp xíp* (vào ngày 14 tháng Bảy hàng năm), giống như Rằm tháng Bảy ở người Kinh.

Thuở xa xưa, ngoài tết cơm mới và *xên bản*, *xên mừng*, người Thái nói chung hầu như không có một ngày lễ tiết nào trong năm (sau này, họ mới ăn tết Nguyên đán theo phong tục của người Kinh, người Hán). Tuy nhiên, riêng người Thái Trắng lại có tết *xíp xíp* giống như người Tày, Kinh... Gọi là *xíp xíp* vì tết này được tổ chức vào ngày 14 tháng Bảy âm lịch hàng năm, trong phạm vi gia đình.

Trong ngày này, gia chủ thường sắm sửa mâm lễ để cúng ma nhà và cúng ma ruộng (Thần Nông). Lễ vật cúng gồm: thịt vịt, xôi nếp (loại nếp cẩm - *khẩu cẩm*), rượu trắng và bánh chưng. Chủ trì lễ có thể là chủ nhà hoặc mời một thầy mo trong bản đến cúng. Nội dung bài cúng liên quan đến việc tạ ơn trời đất đã ban cho dân bản và gia chủ mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu; tạ ơn ông bà, tổ tiên đã phù hộ, độ trì cho con cháu mạnh khỏe, bản làng yên vui. Bên cạnh

đó, thầy mo cũng còn nhắc tới công lao của trâu, bò đã có công kéo cày, bừa ruộng, nên ngoài cúng vía cho hai con vật này, người ta thường thả trâu, bò vào rừng (*quai khâu púng*) để chúng phục sức.

Đây cũng là dịp để anh em họ hàng, thông gia và bà con trong bản có dịp mời nhau ăn cơm, nên sau bữa cơm trưa, người ta thường tụ tập để vừa trao đổi công việc, vừa vui chơi múa hát, chúc tụng nhau. Trong tiếng nhạc lúc trầm, lúc bổng của cây đàn tính tẩu hòa với các làn điệu dân ca quen thuộc, cuộc vui thường kéo đến tận chiều tối mới tan. Vì thế, từ phạm vi gia đình, tết *xíp xi* cũng được coi như nghi lễ mang tính cộng đồng, mang đậm tính nhân văn của cư dân nông nghiệp lúa nước.

### 2.5. Nhà sàn hình vuông 4 mái

*Yếu tố văn hóa tương đồng thứ năm* giữa người Thái Trắng với người Tày thể hiện ở ngôi nhà sàn.

Khác với ngôi nhà sàn hình khum mai rùa của người Thái Đen, ngôi nhà sàn của người Thái Trắng thường là nhà hình vuông, từ 3 đến 5 gian, 4 mái (2 mái chính và 2 mái phụ, lợp gianh hoặc ngói). Nếu xem xét kỹ, chúng ta thấy ngôi nhà sàn của họ gần giống với ngôi nhà sàn cổ truyền của người Tày, cả về kết cấu bộ khung sườn (số lượng cột, hệ thống dầm, xà, xiên), cả về kết cấu mái. Điểm khác nhau rõ rệt nhất về ngôi nhà của hai tộc người này chỉ thể hiện ở nguyên liệu: một bên lợp gianh hoặc ngói to bản (nhà Thái Trắng), một bên lợp lá cọ hoặc ngói âm dương (nhà Tày); có hàng lan can chạy suốt mặt tiền (nhà Thái Trắng) và không có hàng lan can (nhà Tày).

### 2.6. Không có nghi lễ búi tóc ngược (*tăng cẩu*)

*Yếu tố văn hóa tương đồng thứ sáu* giữa người Thái Trắng với người Tày là trong lễ cưới, không có nghi lễ búi tóc ngược cho cô dâu như ở người Thái Đen.

Theo các kết quả nghiên cứu đã công bố, phong tục cưới xin của người Thái Đen gồm 6 bước. Đặc biệt, trong bước thứ năm: Lễ cưới lên (*đoong khùn*), cô dâu phải làm lễ búi tóc ngược - *tăng cẩu*. Một mặt, việc búi tóc ngược là dấu hiệu để phân biệt giữa người con gái đã có chồng (có chủ “sở hữu”) với những cô gái chưa chồng; mặt khác, việc búi tóc ngược được coi là sự khẳng định quyền lực của người chồng, rằng từ nay trở đi, cô ta đã thuộc về ma nhà của nhà chồng. Trong khi đó, ở người Thái Trắng và người Tày, tục lệ này không có. Vì thế, bình thường, người ta không phân biệt được đâu là gái đã có chồng và đâu là gái chưa chồng.

Ngoài ra, những yếu tố văn hóa tương đồng của người Thái Trắng với người Tày và cả người Hán còn có thể kể đến cách tính ngày tháng theo âm lịch (không theo lịch Thái Đen), tết thanh minh, đọan ngộ...; hay hệ thống chức dịch của bộ máy của mừng như: *ông*, *quàng* (khu vực Thái Trắng phía Bắc), *quản* (khu vực Thái Trắng phía Nam) cũng mang tên hoàn toàn Hán.

### 3. Lý giải về sự tương đồng của các yếu tố văn hóa giữa người Thái Trắng với người Tày

Về mặt nguồn gốc, Thái Trắng là con cháu của người Bạch Y cư trú ở miền Nam, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), thiên di sang

miền Tây Bắc. Đến những năm đầu thiên niên kỷ thứ I Công nguyên, tổ tiên người Thái Trắng đã bắt đầu ổn định ở Mường Lay, Mường Tè. Tuy nhiên, phải đến thế kỷ thứ XIII, họ mới làm chủ Mường Lay (Viện Dân tộc học, 1978, tr. 145). Từ Mường Lay, một bộ phận tiếp tục phát triển thế lực sang các vùng Mường Chiên (Quỳnh Nai) và Mường Chiến (Mường La), Bắc Yên, Phù Yên (Sơn La); một bộ phận khác tiếp tục thiên di xuống vùng Đà Bắc (Hòa Bình) rồi vào Thanh Hóa.

Căn cứ vào các kết quả nghiên cứu đã công bố cho thấy, người Thái Trắng có mặt tại miền Tây Bắc của Việt Nam trước người Thái Đen. Theo *Quam tô nương* (kể chuyện mường) thì khi nhóm Thái Đen thiên di tới Mường Chiến để vào Nghĩa Lộ hồi thế kỷ XI-XII, họ đã gặp các tù trưởng Thái Trắng ở đây rồi (Cầm Trọng, 1978, tr. 39).

Trong quá trình hình thành nhóm Thái Trắng nói chung, bộ phận Thái Trắng cư trú ở hữu ngạn sông Hồng có ý nghĩa hết sức quan trọng. Theo các kết quả nghiên cứu đã công bố, Mường So là một trong những trung tâm quy tụ người Thái Trắng ở hữu ngạn sông Hồng. Cho đến trước thế kỷ XI-XII, Mường So đã có một bộ phận lớn người Thái Trắng cư trú trước đó, về sau, mường này mới tiếp nhận bộ phận người Thái Trắng khác thiên di từ Mường So Luông bên Văn Nam (Trung Quốc) sang. Từ Mường So, các nhóm Thái Trắng tiếp tục thiên di đến hội nhập với các bộ phận Thái Trắng đã cư trú trước đó ở Than Uyên (Lai Châu), Văn Bàn, Dương Quỳ (Lào Cai).

Theo ý kiến của tôi, rất có thể bộ phận Thái Trắng đã cư trú trước ở Mường So, Than Uyên, Văn Bàn và Dương Quỳ nói trên chính là lớp hậu duệ của người Tày đã tách ra từ người Tày cổ vùng Đông Bắc nói chung, Yên Bái, Lào Cai nói riêng? Hoặc chí ít thì trong cộng đồng của người Thái Trắng ở các địa phương trên, có những bộ phận có gốc Tày (người Thái Trắng ở Phong Thổ có họ Nông, Hoàng, Thùng (Đồng)... vốn là những họ gốc Tày và Hán). Chính vì thế, họ còn bảo lưu nhiều yếu tố văn hóa của người Tày như đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, sau này, do nằm trong vùng cai quản của các chúa mường Thái, nên họ chịu ảnh hưởng các chuẩn mực văn hóa Thái (đặc biệt là người Thái Trắng ở Mường Lay). Cũng tương tự như vậy, các nhóm Thái Trắng ở Bắc Yên, Phù Yên, Mai Châu lại ít nhiều chịu ảnh hưởng các yếu tố văn hóa Mường.

Ngược về quá khứ lịch sử của người Tày - Thái cổ, chúng ta thấy: từ hiện tượng trùng lặp giữa mô-típ biểu tượng tâm linh của ngành Thái Trắng: Mẹ - Chim - Cạn và Cha - Rồng - Nước với tổ tiên xưa nhất của người Kinh: Âu Cơ - Mẹ - Chim - Cạn (Tiên) và Lạc Long Quân - Cha - Rồng - Nước, thì người *Tày Khao* (Thái Trắng) và *Cản sừa khao* (Người Tày Áo trắng) đã cùng các nhóm tộc người khác lập nên nước Văn Lang thời các Vua Hùng (Cầm Trọng, Phan Hữu Dật, 1995, tr. 44-48). Nếu đúng như thế thì lịch sử của người Thái Trắng hiện nay là kết quả của hàng nghìn năm, chia thành 3 bộ phận: một bộ phận đã hòa tan thành người Việt cổ; một bộ phận khác trở thành người Tày mà hậu duệ là nhóm *Tày*

*Khao* (*Cần sửa khao*) cư trú ở vùng lưu vực sông Hồng hiện nay, trong đó có người Tày ở Tây Nam Bảo Lạc (Cao Bằng). Còn một bộ phận *Tày Khao* khác đã tách ra, di chuyển sang phía Tây để hình thành các nhóm Thái Trắng cư trú ở hữu ngạn sông Hồng như Phong Thổ, Than Uyên, Bắc Yên, Phù Yên, Đà Bắc...

Một minh chứng rõ ràng nhất về gốc Tày của người Thái Trắng chính là bộ phận Thái Trắng Mai Châu (Hòa Bình). Như các tài liệu đã công bố, nhóm này là người Tày vốn xưa kia cư trú ở vùng Mường Hước - Pước Khà tức Bắc Hà (Lào Cai), xuôi theo sông Hồng rồi ngược sông Đà đến định cư ở Mai Châu vào thế kỷ XIV. Sau này, họ đã bị Thái hóa và còn chịu ảnh hưởng văn hóa Mường qua y phục, nhà cửa, tang ma... Cũng như vậy, không phải là không có cơ sở, khi nhóm Tày/Thái Đà Bắc trước đây vẫn tự nhận là Tày mà chúng ta vẫn quen gọi họ là Thổ Đà Bắc.

#### 4. Thay lời kết

Trong quá trình nghiên cứu về người Thái, lĩnh vực lôi cuốn tôi nhất là mảng xã hội truyền thống, đặc biệt là lĩnh vực nguồn gốc lịch sử quá trình tộc người, vì thế, trước khi viết bài này, tôi đã đọc khá kỹ và khá nhiều lần các công trình viết về người Thái. Điều đầu tiên mà tôi thắc mắc là tại sao người Thái Trắng thì có đàn tính, còn người Thái Đen thì không? Hơn 25 năm công tác, mỗi khi có dịp đến nghiên cứu về người Thái Trắng, hầu như tôi chỉ tập trung tìm hiểu

về điều thắc mắc này. Sau những lần như thế, tôi mới phát hiện thêm rằng, ngoài đàn tính, người Thái Trắng còn có nhiều yếu tố văn hóa nữa tương đồng với người Tày. Đó là lý do thôi thúc tôi viết nên vài suy nghĩ của mình về vấn đề này.

Xin nhắc lại, đây chỉ là ý kiến của riêng tôi, trong khi lĩnh vực lại hết sức phức tạp, cần phải có thời gian tìm hiểu, thu thập, bổ sung thêm tư liệu mới có thể sáng tỏ phần nào. Có gì còn khiêm khuyết, xin các đồng nghiệp lượng thứ.

#### Tài liệu tham khảo

1. Abadie, M. (1924), *Les races du Haut-Tonkin, de Phong tho à Lang Son*, Paris.
2. Lê Sỹ Giáo (1988), “Về bản chất và ý nghĩa của tên gọi Thái trắng, Thái đen ở Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 77-80.
3. Cầm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Cầm Trọng (1987), *Mấy vấn đề cơ bản về lịch sử kinh tế - xã hội cổ đại người Thái Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Cầm Trọng, Phan Hữu Dật (1995), *Văn hóa Thái Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
6. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* (các tỉnh phía Bắc), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.